

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/KDTM-ST  
Ngày 29 - 8 - 2025  
Về việc tranh chấp “Hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Huế - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2025/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số 843/2025/TB-TA ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ trụ sở: A L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội. (Nay là phường T, Thành phố Hà Nội).

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lưu Trung T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn S và ông Nguyễn Văn T1 – chuyên viên xử lý nợ.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Đàm Văn T2, sinh năm 1995.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị Thùy M,

sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/04/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – Chi nhánh Đ (viết tắt là Ngân hàng M1) đã ký Hợp đồng cho vay với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M. Theo Hợp đồng cho vay số 13636.22.720.18195920.TD, số tiền cho vay là 1.200.000.000đ, mục đích vay vốn bổ sung kinh doanh gỗ, lãi suất cho vay có điều chỉnh. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng M1 đã giải ngân cho ông C và bà M số tiền 1.200.000.000đ

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số: 41, tờ bản đồ: 52, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 440397, Số vào sổ cấp GCN CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1022654.20.720.6325456.BĐ Công chứng số 1202, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được Ngân hàng đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi giải ngân cho ông C và bà M thì đến tháng 02/2024, Hợp đồng cho vay của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M đã đến hạn thanh toán theo thỏa thuận nhưng ông C, bà M không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ dẫn đến khoản vay chuyển thành nợ quá hạn. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay đến ngày 17/4/2023, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M đã thanh toán được cho Ngân hàng MB tổng số tiền lãi là 83.147.384đ.

Ngân hàng M1 đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nhưng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M đều không thực hiện theo yêu cầu.

Dư nợ tạm tính của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M đến ngày 29/08/2025 tại Ngân hàng M1 là tổng số tiền 1.439.077.995đ, trong đó nợ gốc là 1.200.000.000đ, nợ lãi là 239.077.995đ.

Nay ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị

Thùy M yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng M1 số tiền tạm tính đến hết ngày 29/08/2025 là 1.439.077.995đ (Một tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng), trong đó bao gồm 1.200.000.000 đồng nợ gốc; 239.077.995 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày 30/08/2025, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng M1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng M1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng M1, tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số: 41, tờ bản đồ: 52, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 440397, Số vào sổ cấp GCN: CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M đối với Ngân hàng M1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

*- Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên họp, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo như Tòa án đã yêu cầu.*

*- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là ông C và bà M có địa chỉ tại phường T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không tham gia phiên tòa

nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng **các Điều 227, 228 của Bộ luật** tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M phải trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Q theo yêu cầu và buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 41, tờ bản đồ: 52, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 440397, Số vào sổ cấp GCN: CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015 được đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M có địa chỉ tại phường T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đối với bị đơn được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo tiếp tục phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

[5] Nội dung vụ án:

[5.1]. Về nợ gốc:

[5.1.1]. Theo đại diện Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là Ngân hàng M1) trình bày và tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thể hiện: Ngân hàng M1 và ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M có ký hết hợp đồng tín dụng số Hợp đồng cho vay số 13636.22.720.18195920.TD ngày 01/4/2022 để vay tiền nên việc vay nợ giữa các bên là có thật. Theo hợp đồng tín dụng thỏa thuận ông C và bà M vay số tiền hạn mức là 1.200.000.000đ, thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh đồ gỗ, lãi suất cho vay có điều chỉnh, lãi chậm trả và các loại phí theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

[5.1.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng M1 đã giải ngân cho ông C và bà M đúng theo thỏa thuận hợp đồng hai bên ký kết. Tuy nhiên, ông C và bà M đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng không thực hiện trả nợ đúng cam kết tính đến ngày 29/8/2025, ông C và bà M còn nợ tổng số tiền 1.439.077.995đ (Một tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 239.077.995đ (hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng).

[5.1.3]. Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 13636.22.720.18195920.TD ngày 01/4/2022 và văn bản nhận nợ có chữ ký của ông C và bà M là phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà đại diện nguyên đơn cung cấp.

[5.2]. Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 13636.22.720.18195920.TD ngày 01/4/2022 có chữ ký của ông C, bà M và tài liệu, chứng cứ mà đại diện nguyên đơn cung cấp lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng như sau: lãi suất cho vay có điều chỉnh, lãi chậm trả và các loại phí theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất tạm tính đến ngày 29/8/2025 là số tiền là 239.077.995đ (hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5.3]. Về tài sản bảo đảm:

[5.3.1]. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông C, bà M đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ: 52, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 440397, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số: 1022654.20.720.6325456.BĐ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ nên nguyên đơn yêu cầu tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp ông C và bà M không thanh toán được khoản nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

[5.3.2]. Trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ làm thủ tục thanh lý hợp đồng tín dụng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015 cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M.

[6]. Quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày của ông C và bà M, mặc dù Tòa án đã áp dụng nhiều biện pháp để làm việc với ông C và bà M đều không có kết quả như xác minh, niêm yết nhưng vẫn không có ý kiến gì phản hồi cho Tòa án. Việc vắng mặt của ông C và bà M coi như tự tước bỏ quyền trình bày tại Tòa.

[7]. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của Ngân hàng M1 được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Do nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn phải thanh toán lại số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) cho nguyên đơn Ngân hàng M1.

[9]. Về án phí:

[9.1]. Do yêu cầu của Ngân hàng M1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng MB tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9.2]. Buộc ông C và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.172.339đ (năm mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi chín đồng).

[10]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91; 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M.

1.1. T3 buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thùy M phải có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 1.439.077.995đ (Một tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 239.077.995đ (hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2025), ông C và bà M còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M không thanh toán khoản nợ nói trên hoặc không thanh toán đầy đủ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 440397, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015 cho bà Nguyễn Thị Thùy M. Theo Hợp đồng thế chấp số: 1022654.20.720.6325456.BĐ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ làm thủ tục thanh lý hợp đồng tín dụng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 440397, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 17778 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đ cấp ngày 14/09/2015 cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Do nguyên đơn đã nộp nên buộc ông N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu số tiền 55.172.339đ (năm mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.531.551đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, năm trăm năm mươi một đồng) tại biên lai thu tiền số 0004828 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND KV1-Đồng Nai;
- PTHA dân sự KV1-Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**